TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 1120/2020/TLST-HNGĐ ngày 03-12-2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Duy Th, sinh năm 1967; thường trú: Số 39/13 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1970; thường trú: Số 39/13 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-10-2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phan Duy Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Th, tỉnh Ngh. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống anh Th đã làm mất giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã V đã làm mất sổ quản lý đăng ký kết hôn nên không thực hiện việc trích sao cho anh được. Tuy

nhiên, theo giấy xác nhận mối quan hệ ngày 16/9/2019 của anh Phan Duy Th thì Ủy ban nhân dân xã V, huyện Th đã chứng nhận anh Th và chị H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Anh Th xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống, chị H không quan tâm đến bố mẹ chồng. Từ khoảng năm 2013, vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không còn nói chuyện với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến đầu năm 2019, nhận thấy cuộc sống vợ chồng ngày càng mệt mỏi, căng thẳng nên anh Th đã chuyển ra khỏi nhà. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Phan Duy Q, sinh ngày 17/4/1993 và Phan Duy L, sinh ngày 12/9/2003. Hiện nay các con đang ở với chị H tại số 39/13 khu phố Tây A, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Sau khi ly hôn anh Th giao con chung tên Phan Duy L, sinh ngày 12/9/2003 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th thực hiện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với con Phan Duy Q, sinh ngày 17/4/1993 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Dương Thị H đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng chị không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Dương Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 09/3/2020 và ngày 26/3/2020 nhưng đều vắng mặt không lý do.

Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Th không giao nộp được chứng cứ là bản chính hoặc bản sao giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã V, huyện Th, tỉnh Ng nơi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn đã có xác nhận về quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị H; đồng thời quá trình chung sống anh Th, chị H đã có hai con chung là Phan Duy Q, sinh ngày 17/4/1993 và Phan Duy L, sinh ngày 12/9/2003; cháu Q và cháu L đều được đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Th, tỉnh Ngh, nội dung khai sinh thể hiện họ tên mẹ Dương Thị H và họ tên cha Phan Duy Th. Như vậy, có cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Anh Th xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhn mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, chị H không quan tâm đến bố mẹ chồng. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng sống chung một nhà nhưng không nói chuyện với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến đầu năm 2019, nhận thấy cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng nên anh Th đã chuyển đi, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và yêu cầu được ly hôn.

[2.3] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Anh Th xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị H đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án anh Th và chị H không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh Th và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Th yêu cầu được ly hôn với chị H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Phan Duy Q, sinh ngày 17/4/1993 và Phan Duy L, sinh ngày 12/9/2003. Hiện nay các con đang ở với chị H tại số 39/13 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B. Sau khi ly hôn, anh Phan Duy Th đề nghị giao con chung tên Phan Duy L, sinh ngày 12/9/2003 cho chị Dương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị H được Tòa án triệu tập làm việc nhưng vắng mặt, không có ý kiến về con chung, về cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong bản khai cung cấp cho Tòa án cháu L mong muốn tiếp tục chung sống với mẹ; anh Th không trực tiếp nuôi con nhưng tự nguyện

thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng. Vì vậy, để cháu L không bị ảnh hưởng về tâm lý, về nơi ở và kết quả học tập. Căn cứ các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung tên Phan Duy Luật, sinh ngày 12/9/2003 cho chị Dương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, anh Th tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với con chung tên Phan Duy Q, sinh ngày 17/4/1993 đã trưởng thành, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Duy Th phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 227, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Duy Th đối với chị Dương Thị H về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Duy Th được ly hôn với chị Dương Thị H.

- Về con chung: Anh Phan Duy Th giao con chung tên Phan Duy L, sinh ngày 12/9/2003 cho chị Dương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Duy Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Phan Duy L, sinh ngày 12/9/2003 số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng; thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, anh Th và chị H đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Th lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị H nuôi con thì chị

có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Đối với con chung tên Phan Duy Q, sinh ngày 17/4/1993 đã trưởng thành, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Duy Th phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con; được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0029688, ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Phan Duy Th còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã V, huyện Th, tỉnh Ngh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân